TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH,** TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10** /2018/HS-ST
Ngày: 30 – 3 – 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miễn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp
Ông Trần Công Đẳng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Giang Nam, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Văn Hên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXXST - HS ngày 09 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1 – **H** – sinh năm 1967, tại xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; đăng ký hộ khẩu: huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; chổ ở: huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông S (chết) và bà N; vợ Su (đã tự chấm dứt quan hệ hôn nhân); con 01 người; tiền sự: không; tiền án: không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị cáo có mặt.

2 – **Đ** – sinh năm 1968, tại huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký hộ khẩu: huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; tạm trú: quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H và bà Ha (chết); vợ 04 người vợ nhưng đều không đăng ký kết hôn; hiện nay đã tự chấm dứt quan hệ hôn nhân 03 người, đang sống chung như vợ chồng với Han; con 03 người, con chung với 03 người vợ trước; tiền sự: không; tiền án: 04 tiền án; Bản án số:18/HS-ST ngày 23/7/1996 TAND huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xử phạt 24 tháng tù về tội

trộm cắp tài sản và tội trốn khỏi nơi giam, chấp hành xong hình phạt ngày 21/10/2002.

Bản án số: 123/HS-ST ngày 23/10/1998 TAND tỉnh Cà Mau xử phạt 05 năm tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 13/10/2005.

Bản án số:12/2006/HSST ngày 28/3/2006 TAND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xử phạt 02 năm tù về tội trộm cắp tài sản; ngày 31/10/2006 TAND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xử phạt 09 tháng tù về tội trốn khỏi nơi giam; tổng hợp hình phạt bản án số 12/2006/HSST, hình phạt chung của 02 bản án là 02 năm 09 tháng tù (Bản án số: 02/2006/HSST ngày 31/10/2006), chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/6/2008; bị cáo bị tạm ngày 14/7/2017; bị cáo có mặt.

Người bị hại: Anh **Ho**
Nơi cư trú: huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do hứa hẹn trước, tối ngày 26/3/2017 Đ từ Thành phố Hồ Chí Minh về Cà Mau, sáng ngày 27/3/2017 từ thành phố Cà Mau Định tiếp tục bắt xe về thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình. Tại đây, Đ điện thoại cho H, H điều khiển xe mô tô biển số 94H2 – 2436 từ nhà đến gặp Đ, cả hai bàn bạc đi theo tuyến lộ về U Minh tìm nhà dân sở hở vào lấy trộm tài sản.

Khoảng 23 giờ đêm 27/3/2017, Đ điều khiển xe chở H đến khu vực gần trụ sở sinh hoạt Ấp 9, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh thì dừng xe, H ngồi trên xe chờ, còn Đ đi bộ tìm nhà nào sở hở là vào lấy cắp tài sản. Đ đi về hướng xã Khánh Lâm, thì thấy nhà có cửa sau không đóng, Đ vào nhà thấy chiếc xe mô tô biển số 59T1 – 117.86, một cái ví (bóp) trên giường và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobell đang sạc pin. Đ lấy chiếc điện thoại và chiếc ví bước ra ngoài kiểm tra phát hiện có 200.000đ và giấy đăng ký xe, Đ quay lại lấy cắp chiếc xe dẫn đi, trên xe có chìa khóa nên mở khóa khởi động điều khiển xe đến gặp H. Đ đưa chiếc điện thoại cho H, Đ điều khiển xe về Bình Dương, H về nhà; tài sản mà bị cáo trộm cắp là của anh Ho. Đến tháng 4/2017 Đ bán xe cho chị Ha giá 10.000.000đ.

Tại kết luận số 17/KL-HĐĐG, ngày 13/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện U Minh kết luận: Xe mô tô biển số kiểm soát 59T1 – 117.86 trị giá 11.479.500đ; điện thoại di động hiệu Mobell trị giá 500.000đ; tổng cộng là 11.979.000đ.

Tang vật thu giữ: Xe mô tô biển số kiểm soát 59T1 – 117.86; giấy đăng ký xe mô tô mang tên C; chiếc điện thoại di động hiệu Mobell. Tang vật thu giữ đã giao trả lại người bị hại, người bị hại đã nhận và không yêu bồi thường gì thêm và xin giãm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra có thu giữ của H xe mô tô biển số kiểm soát 94H2 – 2436 và giấy đăng ký xe 94H2 – 2436 tên Co.

Cáo trạng số: 04/CT-VKS ngày 06 tháng 02 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo H về tội " Trộm cắp tài sản " theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; bị cáo Đ về tội " Trộm cắp tài sản " theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138 và điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt H từ 06 tháng đến 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138 và điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt Đ từ 02 năm đến 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Tịch thu phát mãi sung công quỹ nhà nước chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 94H2 – 2436.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình tiến hành tố tụng không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tố tụng cũng như người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi các bị cáo đã thực hiện trong việc trộm cắp tài sản của anh Ho vào đêm 27/3/2017 đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, không oan – sai.

Do có quen biết từ trước nên bị cáo H rủ bị cáo Đ thực hiện việc trộm cắp. Bị cáo Đ từ Thành phố Hồ Chí Minh đón xe về Cà Mau và gặp nhau tại thị trấn Thới Bình. Hai bị cáo Bị cáo lợi dụng sự mất cảnh giác, không cẩn thận của người dân trong việc bảo vệ tài sản để các bị cáo dễ dàng đột nhập vào nhà lấy cắp tài sản; tài sản mà các bị cáo lấy cắp là xe mô tô biển số kiểm soát 59T1 – 117.86, chiếc điện thoại di đông hiệu Mobell và 200.000đ. Người trực tiếp vào nhà lấy

cắp tài sản là bị cáo Đ. Lợi dụng việc anh Ho chủ quan không khóa cửa, không cẩn thận trong việc quản lý và giữ gìn tài sản để bị cáo vào nhà lén lúc chiếm đoạt tài sản; lúc bị cáo lấy tài sản mọi người trong nhà đã ngũ, không hay biết. Mục đích lấy cắp tài sản của các bị cáo là bán để có tiền tiêu xài cá nhân. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có tại hồ sơ. Có đủ căn cứ để xác định các bị cáo đã lấy cắp 01 xe mô tô, 01 điện thoại di động và tiền Việt Nam 200.000đ; tài sản các bị cáo trộm cắp có giá trị thành tiền là 12.179.000đ. Hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đã vi phạm pháp luật hình sự, theo quy định của Bộ luật hình sự thì hành vi vi phạm này đã phạm vào tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điều 138 – Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Đối với bị cáo Đ có 04 lần phạm tội bị Tòa án xử phạt chưa được xóa án tích bị cáo lại tiếp tục vi phạm pháp luật hình sự; lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Đối với bị cáo H, nhân thân có bị Tòa án xử phạt nhiều lần nhưng không thuộc trường hợp có tiền án. Mặc dù, việc thực hiện tội phạm của các bị cáo có nhiều tên tham gia, có bàn bạc, rủ rê nhưng hành vi phạm tội này của các bị cáo chỉ đồng phạm giản đơn, không mang tính chất có tổ chức.

[3] Xét tính chất và mức độ phạm tội mà bị cáo gây ra thuộc trường hợp nghiêm trọng. Tài sản người bị hại cất giữ trong nhà nhưng các bị cáo đã lén lút vào nhà để chiếm đoạt. Nguyên nhân phạm tội là do chay lười lao động mà vẫn được hưởng thụ; động cơ và mục đích phạm tội của các bị cáo là để có tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo Đ là người trực tiếp thực hiện lấy cắp tài sản, bị cáo H là người rủ rê, lôi kéo, bị cáo H được chia tiền trộm cắp ít hơn bị cáo Đ. Nhân thân của các bị cáo xấu; bị cáo Đ đã nhiều lần bị Tòa án xử phạt về hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản. Bị cáo H nhân thân không tiền án nhưng năm 1997 bị Tòa án xử phạt 07 năm tù về tội trộm cắp tài sản đã được xóa án tích; Tháng 5/1997 có hành vi trộm cắp tài sản bị Tòa án xử phạt 09 tháng tù. Song có xem xét khi bị bắt các bị cáo thành khẩn khai báo; tài sản đã được thu hồi trả lại người bị hại xong nên thiệt hại đã được khắc phục; bị cáo H đã tự nguyện bồi thường cho anh Ho 800.000đ tiền bị mất, bị cáo Đ tự nguyện bồi thường cho người mua chiếc xe trộm cắp bị thu hồi; điều này chứng minh việc ăn năn hối cải của các bị cáo. Tất cả các tình tiết trên được xem xét cân nhất trong lượng hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Xe mô tô biển số kiểm soát 59T1 – 117.86, chiếc điện thoại di đông hiệu Mobell đã thu hồi trả lại bị hại xong; bị cáo đã bồi thường đủ số tiền cho bị hại, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra có thu giữ xe mô tô biển số kiểm soát 94H2 – 2436 và giấy đăng ký xe máy 94H2 – 2436 tên Co; xe và giấy đăng ký xe này của bị cáo H dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Đây là vật chứng của vụ án, do đó tịch thu phát mãi sung công quỹ Nhà nước; xe và giấy đăng ký xe hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh đang quản lý.

Đối với Ha là người mua xe 59T1 – 117.86 do bị cáo Đ bán, khi mua chị Ha không biết tài sản này do bị cáo trộm cắp mà có nên không phải chịu trách nhiệm gì trong việc mua chiếc xe mô tô 59T1 – 117.86.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định: Người bị kết án phải chịu án phí theo quy định của Tòa án; tại điểm a khoản 1 Điều 23 – Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 – 2016 quy định: Người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; do đó bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với Đ.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo H.

Tuyên xử: Bị cáo Đ, bị cáo H phạm tội Trộm cắp tài sản.

Tuyên phạt: - Bị cáo Đ **02** (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày 14/7/2017.

- Bị cáo H **08** (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt H đi chấp hành hình phạt tù.

[2] Áp dụng khoản 1, điểm a khoản 2 điều 106; khoản 2 điều 136 – Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 – Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tịch thu phát mãi sung công quỹ Nhà nước đối với xe mô tô biển số kiểm soát 94H2 – 2436.

- Bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng; bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

[3] Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại;
- VKSND huyện U Minh;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cơ quan Điều tra CA. U Minh;
- Cơ quan THA HS huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án U Minh.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trịnh Xuân Miễn